



# Một số chính sách tài chính hỗ trợ doanh nghiệp trong chuyển đổi xanh hướng tới Net Zero

TRẦN THỊ VÂN

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu (BĐKH) và nước biển dâng. Đây được coi là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự thay đổi môi trường, hệ sinh thái Trái đất và là nguy cơ gây ra tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia trên thế giới. WB ước tính BĐKH sẽ làm giảm 3,5% GDP của Việt Nam vào năm 2050. Cùng với mục tiêu đến năm 2030, Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu đã ngày càng gia tăng áp lực đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Do đó, phát triển kinh tế xanh trở thành xu thế tất yếu, vừa đảm bảo mục tiêu hiện đại hóa nền kinh tế, vừa phát triển bền vững về môi trường và tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH. Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện quá trình chuyển đổi xanh, tiến tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero), cần xây dựng và áp dụng các cơ chế tài chính phù hợp. Bài viết phân tích một số chính sách tài chính tiềm năng có thể áp dụng tại Việt Nam gồm tín dụng xanh (TDX); trái phiếu xanh (TPX); thị trường tín chỉ các-bon; ưu đãi thuế và các chính sách tài chính khác như: Quỹ hỗ trợ chuyển đổi xanh; tài trợ từ các tổ chức quốc tế; chi ngân sách Nhà nước cho hoạt động BVMT...

## CÁC CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH TIỀM NĂNG

### Tín dụng xanh

TDX cũng như giống như các loại tín dụng khác nhưng được ưu tiên cho hoạt động kinh tế đáp ứng các tiêu chí về sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, BVMT. Các lợi ích mà TDX mang lại được chứng minh ở cả cấp độ quốc gia và doanh nghiệp, bao gồm: (i) đối với quốc gia, TDX đóng góp tích cực cho sự phát triển cân bằng, hài hòa mối quan hệ giữa kinh tế với môi trường và xã hội; góp phần xóa đói, giảm nghèo và cải thiện chất lượng đời sống nhân dân; tránh được rủi ro về môi trường và xã hội mà nhiều quốc gia đã gặp phải do quá chú trọng về tăng trưởng, phát triển kinh tế mà coi nhẹ tác động đến môi trường, sinh thái tự nhiên; (ii) ở cấp

độ doanh nghiệp, TDX khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, quy trình quản lý, tăng cường áp dụng các biện pháp BVMT. Thông qua đó, các doanh nghiệp có nhiều cơ hội tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi trong và ngoài nước, nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước; (iii) về phía cộng đồng người dân, người tiêu dùng trong nền kinh tế, TDX sẽ mang lại cơ hội sử dụng sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường, hạn chế những rủi ro sử dụng sản phẩm độc hại. Đặc biệt, đây cũng là xu thế chung của thế giới, mở ra cơ hội để các tổ chức tài chính quốc tế huy động nguồn lực đầu tư vốn lớn vào thị trường Việt Nam.

Hiện chưa có sự thống nhất về khái niệm “TDX”. Phạm Xuân Hòa (2015) định nghĩa, TDX là bất cứ khoản tín dụng nào dùng để tài trợ hoặc tái tài trợ một phần hoặc toàn bộ các dự án xanh và được thể hiện dưới hình thức tín dụng có kỳ hạn (term loan) hoặc các khoản tín dụng tuần hoàn (revolving credit facilities) [11]. TDX cung cấp nguồn vốn ưu đãi, lãi suất thấp cho các dự án liên quan đến BVMT, giảm khí thải nhà kính và những biến động bất thường của khí hậu, hướng tới một nền kinh tế tăng trưởng xanh (TTX) và phát triển bền vững. Vì vậy, TDX là một trong số những giải pháp mà ngành tài chính có thể áp dụng để đối phó với các thách thức môi trường và xã hội của thế giới thông qua công cụ tài chính [14]. Theo Nguyên tắc TDX do Hiệp hội Thị trường tín dụng (Loan market Association) và Hiệp hội Thị trường tín dụng châu Á - Thái Bình Dương (Asia Pacific Loan Market Association) ban hành năm 2018 (GLP 2018), TDX được định nghĩa là bất kì loại cho vay nào được cung cấp riêng để cấp vốn hoặc tái cấp vốn toàn bộ hoặc một phần các dự án xanh đủ điều kiện mới và/hoặc hiện có. Danh mục theo GLP 2018 bao gồm: Năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng hiệu quả; giao thông xanh; sản phẩm, các công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường và/hoặc thích nghi với nền kinh tế; quản lý nước bền vững và xử lý nước thải; tòa nhà xanh; nông lâm nghiệp bền vững; ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm.

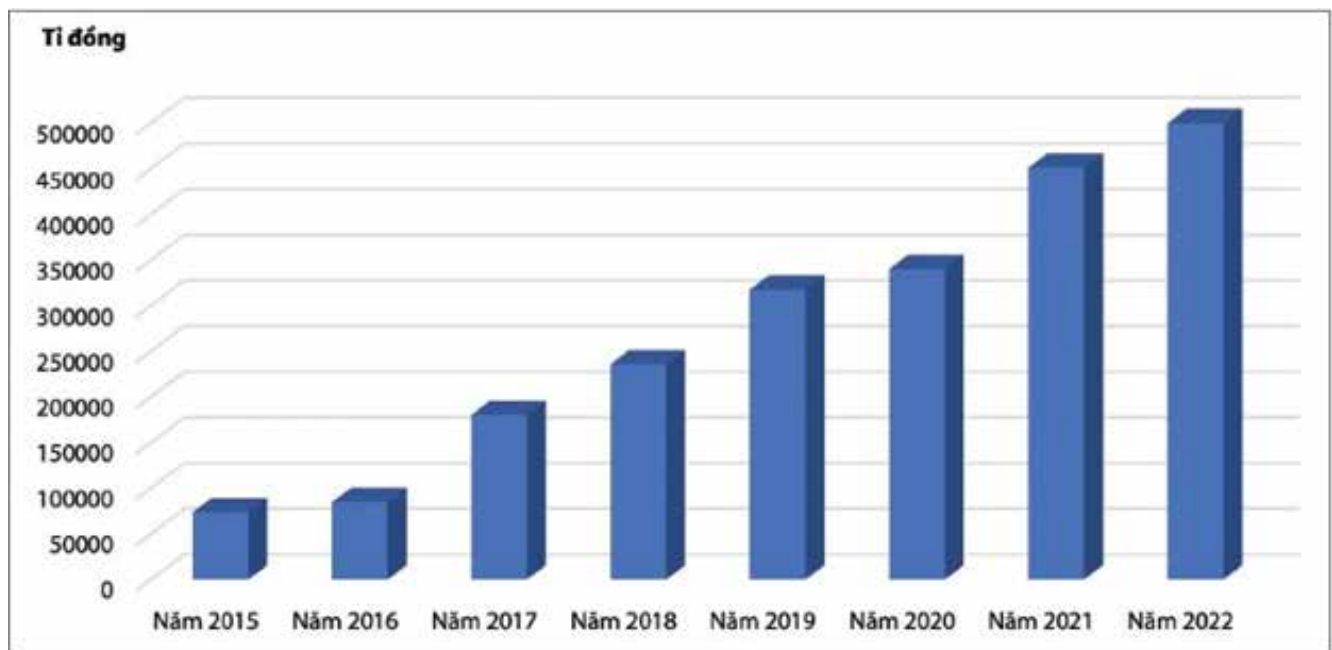
Tại Việt Nam, theo khoản 1 Điều 149 Luật BVMT năm 2020: TDX là tín dụng được cấp cho các dự án đầu tư sau đây: (i) Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; (ii) Ứng phó với BĐKH; (iii) Quản lý chất thải; (iv) Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; (v) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; (vi) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; (vii) Tạo ra lợi ích khác về môi trường [1]. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước



Việt Nam (NHNN) đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 về thúc đẩy tăng trưởng TDX và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng; Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam và gần đây là Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng (TCTD), chi nhánh ngân hàng nước ngoài (có hiệu lực từ ngày 1/6/2023) [5, 7, 9]. Bên cạnh đó, trong giai đoạn 2018 - 2019, NHNN đã phối hợp với Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) ban hành Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường - xã hội trong hoạt động cấp tín dụng cho 15 ngành kinh tế. Đây được xem là cẩm nang giúp các TCTD nhận diện và chủ động quản lý các rủi ro môi trường - xã hội có thể gây tác động xấu, ảnh hưởng đến hiệu quả của dự án được cấp tín dụng cũng như khả năng trả nợ của khách hàng, từ đó giúp các TCTD giảm thiểu rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng. Đây là những quy định mới.

Trên cơ sở đó, TDX đang có những chuyển biến tích cực, ngày càng nhận được nhiều sự quan tâm và hạn mức đầu tư ngày càng cao. Theo báo cáo của NHNN, đến cuối năm 2022, dư nợ cấp tín dụng đối

với các dự án xanh (12 dự án xanh do NHNN xây dựng và ban hành từ năm 2015) đạt gần 500.000 tỉ đồng (chiếm khoảng 4,2% tổng dư nợ nền kinh tế), tập trung vào các lĩnh vực như năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm tỉ trọng cao nhất 47%), tiếp đến là nông nghiệp xanh (chiếm trên 30%) (Hình 1). Các TCTD tích cực thực hiện đánh giá rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng với dư nợ đạt hơn 2,2 triệu tỉ đồng cùng khoảng 1,1 triệu món vay. Một số ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam có tỉ trọng TDX cao như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank), NHTM cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), NHTM cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank), NHTM cổ phần Tiên Phong (TPBank), NHTM cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank), NHTM cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank), NHTM cổ phần Nam Á (Nam A Bank), NHTM cổ phần Phát triển TP. Hồ Chí Minh (HD Bank) [10] (Hình 1). Với những thành tựu trên, Việt Nam được xếp vào nhóm thứ hai các quốc gia có sự tiến bộ đáng kể trong tiến trình phát triển bền vững tại Báo cáo Đánh giá tiến bộ quốc gia giai đoạn 2020 - 2021 của Mạng lưới tài chính và ngân hàng bền vững.



▲ Hình 1. Dư nợ TDX giai đoạn 2015 - 2022 (Nguồn: Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, NHNN)

Có thể nói, trong những năm qua, thị trường TDX của Việt Nam đã có những bước phát triển nhất định nhờ sự hỗ trợ từ phía Chính phủ cũng như các tổ chức tài chính quốc tế. Chính phủ, Thủ tướng và NHNN đã kịp thời ban hành kế hoạch hành động cùng các văn bản để hướng dẫn thực hiện cấp TDX

như: danh mục hoạt động được ưu tiên, các quy định trong lĩnh vực thanh toán, các hướng dẫn thực hiện đánh giá rủi ro môi trường và xã hội. Đây được coi là khuôn khổ pháp lý ban đầu để định hướng cho hoạt động cấp tín dụng của hệ thống ngân hàng theo hướng xanh và bền vững. TDX đã nhận được sự



quan tâm của nhiều NHTM, các ngân hàng đã bắt đầu đưa ra những chương trình tín dụng ưu đãi cho khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân vay vốn triển khai các dự án có yếu tố “xanh”. Tuy nhiên, do các quy định, định nghĩa cụ thể về danh mục, ngành lĩnh vực xanh vẫn chưa được thống nhất để có thể áp dụng chung trên cả nước dẫn tới khó khăn cho các NHTM trong việc lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp TDX. Bên cạnh đó, lĩnh vực xanh hiện vẫn thiếu khuôn khổ pháp lý, các tiêu chí đánh giá công cụ đo lường tác động đến môi trường để hỗ trợ xây dựng chính sách, sản phẩm phát triển TDX; các phương án kinh doanh cũng cần phải đáp ứng được các điều kiện khắt khe về BVMT, các thủ tục vay vốn phức tạp. Do đó, khách hàng sẽ ít có nhu cầu sử dụng sản phẩm TDX của ngân hàng nếu không có hỗ trợ lãi suất hay những cơ chế ưu đãi khác. Mặt khác, các dự án xanh được xem là lĩnh vực được ưu tiên cho vay vốn. Song trên thực tế, lãi suất cho vay đối với các dự án xanh về cơ bản vẫn chưa có sự khác biệt với các khoản vay khác của ngân hàng. Mức lãi suất ngắn hạn dao động trong khoảng 6,2 - 9,4%/năm, các khoản vay trung, dài hạn khoảng 9,4 - 11,4%/năm. Điều này là do thực tế, lĩnh vực “xanh” vẫn còn tồn tại những khó khăn như cơ chế ưu đãi còn chưa rõ ràng, chi phí đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn bị kéo dài, rủi ro thị trường cao, dễ phát sinh thêm chi phí... [10]. Ngoài ra, nguồn vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mang lại lợi ích môi trường, nhất là lĩnh vực năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả năng lượng tại Việt Nam hiện nay thường đòi hỏi thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao, nên rất cần các ưu đãi về thời hạn và chi phí vốn vay. Trong khi đó, nguồn vốn huy động của các TCTD thường ngắn hạn, huy động theo chi phí vốn thương mại trên thị trường nên có chi phí cao. Để có thể cung cấp các khoản tín dụng với thời hạn dài và lãi suất ưu đãi cho các ngành, lĩnh vực xanh, các TCTD cần được hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn dài hạn, ưu đãi, hoặc có cơ chế chia sẻ lãi suất cho vay giữa các TCTD.

### ***Trái phiếu xanh***

TPX được xem là công cụ thúc đẩy phát triển, đầu tư vào các hoạt động BVMT của doanh nghiệp để đầu tư vào các dự án có mục đích BVMT, mang lại lợi ích môi trường, khai thác sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan, phát triển năng lượng tái tạo, giảm phát thải nhà kính. Cùng với đó, thông qua quy định về TPX cho phép hình thành kênh huy động tài chính cho Chính phủ, chính quyền địa phương để giải quyết những vấn đề môi trường, khí hậu nổi cộm với quy mô lớn và dài hạn.

Theo Ngân hàng Thế giới (WB), TPX là loại trái phiếu được phát hành để huy động vốn từ các nhà đầu tư để tài trợ cho dự án xanh hoặc các hoạt động có tính bền vững về môi trường. Điều này được thực hiện nhằm hỗ trợ xây dựng và phát triển các ngành công nghiệp sạch, giảm thiểu khí thải, tăng cường năng lượng tái tạo và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Còn theo Hiệp hội Thị trường vốn quốc tế (ICMA), TPX là bất kỳ loại công cụ trái phiếu nào mà số tiền thu được hoặc số tiền tương đương sẽ được sử dụng để tài trợ hoặc tái tài trợ, một phần hoặc toàn bộ, các dự án xanh đủ điều kiện mới và/hoặc hiện có [16]. Hiện trên thế giới có 4 loại TPX cơ bản: Trái phiếu sử dụng tiền thu được theo tiêu chuẩn xanh; Trái phiếu doanh thu xanh; Trái phiếu dự án và TPX có đảm bảo.

Tại Việt Nam, theo Khoản 1, Điều 150 Luật BVMT năm 2020, TPX là trái phiếu do Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật về trái phiếu để huy động vốn cho hoạt động BVMT, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường [1]. Luật BVMT năm 2020 bổ sung thêm 2 quy định về TDX, TPX là cần thiết, kịp thời và phù hợp với xu hướng, thông lệ quốc tế, góp phần tạo hành lang pháp lý để hình thành, phát triển thị trường sản phẩm tài chính tiềm năng này, định hướng lại dòng đầu tư và thực hiện chủ trương tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Nhìn chung, TPX là trái phiếu thông thường với 2 đặc điểm phân biệt: (1) Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được phân bổ riêng cho các dự án có lợi ích về môi trường (được hiểu về bản chất là gắn liền với đồng lợi ích xã hội) và (2) Cung cấp sự minh bạch và công khai rõ ràng về việc quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu. Nói cách khác, về mặt cấu trúc, TPX giống như trái phiếu thông thường, có đặc điểm rủi ro/lợi ích tương đương và tuân theo các thủ tục phát hành giống nhau, nhưng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu được sử dụng cho nhiều loại dự án khí hậu và môi trường khác [12]. Có thể thấy, TPX được định nghĩa trong pháp luật Việt Nam có nhiều điểm tương đồng so với các khái niệm trong những văn bản khác của quốc tế. Điều này cho thấy, việc xây dựng khung pháp lý về TPX tại Việt Nam luôn được cập nhật, hoàn thiện để phù hợp với tinh thần quốc tế.

Trước đó, ngày 4/12/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, trong đó quy định về trái phiếu doanh nghiệp xanh, tạo ra một kênh tiềm năng để huy động vốn cho các dự án xanh trong khu vực tư nhân, tạo nền tảng cho giao dịch sản phẩm phát



▲ Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) tư vấn người dân vay vốn phát triển nông nghiệp xanh

sinh xanh tại Việt Nam. Đối với lĩnh vực tài chính, Bộ Tài chính đã ký Quyết định số 2183/QĐ-BTC ngày 20/10/2015 ban hành Kế hoạch hành động của ngành tài chính thực hiện chiến lược quốc gia về TTX đến năm 2020, trong đó quy định về khung chính sách tài chính nhằm phát triển thị trường vốn xanh và các sản phẩm tài chính xanh; khung tài chính xanh cho các hoạt động trên thị trường vốn như ban hành các quy định, điều kiện khi niêm yết cổ phiếu (niêm yết xanh), báo cáo (trong báo cáo bền vững) và giám sát (theo các tiêu chí tài chính xanh); huy động vốn đầu tư cho TTX thông qua thị trường vốn cho các doanh nghiệp, dự án và sản phẩm xanh, niêm yết, phát hành TPX cho các dự án, chương trình và lĩnh vực xanh... Dù có nhiều cơ hội mở rộng nhưng việc phát hành TPX diễn ra chậm, mới đang ở giai đoạn đầu của sự phát triển; các hoạt động của thị trường chủ yếu mới ở bước khởi động. Tính đến tháng 10/2022, Việt Nam mới phát hành được 5 đợt TPX với tổng giá trị khá khiêm tốn ở mức 200 triệu USD. Phần lớn số tiền thu được từ phát hành trái phiếu (57%) sử dụng cho năng lượng tái tạo - ngành được Việt Nam quan tâm chính, bên cạnh lĩnh vực nước, rác thải và nông nghiệp. Xét về mặt cơ cấu, TPX ở Việt Nam hiện nay chủ yếu là trái phiếu chính quyền địa phương tài trợ cho các dự án xanh, gần như hệ thống các doanh nghiệp tham gia phát hành TPX để huy động vốn chưa nhiều.

Mặc dù, sự phát triển của thị trường TDX, TPX trong những năm qua đã có những bước khởi động tích cực, tuy nhiên, khung pháp lý về TDX, TPX chưa đầy đủ, hoàn thiện, còn manh mún, chưa có sự nhất quán trong quá trình triển khai chiến lược, tăng cường cụ thể hóa nhiệm vụ của các cơ quan chức năng trên cơ sở phối hợp hiệu quả trong việc ban hành các chính sách thúc đẩy thị trường TDX, TPX. TDX, TPX đòi hỏi các kỹ năng, kỹ thuật để theo dõi và đánh giá việc sử dụng tiền thu được trong suốt vòng đời dự án, đảm bảo rằng các dự án được thực hiện theo nguyên tắc chung về TDX, TPX. Tuy nhiên, ở Việt Nam, các TCTD được đào tạo bài bản về những

kỹ năng và kỹ thuật này chưa nhiều, dẫn đến nhiều TCTD chưa có một đơn vị phòng ban chuyên trách về thẩm định dự án, đánh giá rủi ro môi trường xã hội cũng như theo dõi và đánh giá hiệu quả hoạt động dòng tiền huy động được từ nguồn TPX trong suốt vòng đời dự án.

### ***Ưu đãi thuế***

Chính sách ưu đãi thuế là một công cụ kinh tế hiệu quả trong việc thúc đẩy TTX và phát triển bền vững. Trong thời gian qua, nhiều chính sách thuế, phí khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm BVMT đã được xây dựng và hoàn thiện. Điển hình như: Chính sách miễn, giảm thuế giá trị gia tăng đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên; các chính sách miễn, giảm thuế sử dụng các nguồn tài nguyên tái tạo và miễn, giảm thuế xuất, nhập khẩu đối với hàng hóa, linh kiện và nguyên liệu sử dụng trong sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường; các chính sách thuế, phí đối với hoạt động liên quan đến môi trường.

Về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 quy định nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, hướng đến TTX. Theo quy định, doanh nghiệp thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo sẽ được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể, đối với hoạt động nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ, thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ được miễn thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng nhưng tối đa không quá 3 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới thuộc các lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao; ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh



ngành công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Cùng với đó, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định doanh nghiệp được hưởng ưu đãi với mức thuế suất thuế thu nhập 17% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng.

Về chính sách thuế giá trị gia tăng: Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) quy định miễn thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư, thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động khoa học, phát triển công nghệ.

Về chính sách thuế xuất, nhập khẩu: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 quy định miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để BVMT, như máy móc, thiết bị, phương tiện, dụng cụ, vật tư chuyên dùng nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được để thu gom, vận chuyển, xử lý, chế biến nước thải, rác thải, khí thải, quan trắc và phân tích môi trường, sản xuất năng lượng tái tạo; xử lý ô nhiễm môi trường, ứng phó, xử lý sự cố môi trường; sản phẩm xuất khẩu được sản xuất từ hoạt động tái chế, xử lý chất thải. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2016) cũng quy định, sản phẩm ít gây hại đến môi trường như xe ô tô chạy bằng năng lượng điện, năng lượng sinh học được ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt với thuế suất chỉ bằng 50% và 70% mức thuế suất của xe ô tô cùng chủng loại nhưng chạy bằng xăng. Các quy định ưu đãi này nhằm khuyến khích đầu tư, sản xuất và tiêu dùng các sản phẩm sử dụng năng lượng tiết kiệm, thân thiện với môi trường. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt cũng quy định thuế suất cao hơn đối với xe chở người có dung tích xi lanh lớn nhằm khuyến khích sản xuất và sử dụng các loại xe tiêu hao ít năng lượng.

Về chính sách ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước: Theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê đối với đất xây dựng cơ sở nghiên cứu khoa học của doanh nghiệp, bao gồm: đất xây dựng phòng thí nghiệm, đất xây dựng cơ sở ươm tạo công nghệ và ươm tạo doanh nghiệp khoa

học và công nghệ, đất xây dựng cơ sở thực nghiệm, đất xây dựng cơ sở sản xuất thử nghiệm. Nghị định số 13/2019/NĐ-CP quy định doanh nghiệp khoa học và công nghệ được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đặc biệt, sự ra đời của Luật Thuế BVMT số 57/2010/QH12 (hiệu lực từ 1/1/2012), đánh dấu sự thay đổi căn bản trong cách thức tiếp cận về sử dụng các công cụ kinh tế cho mục tiêu BVMT, với mục tiêu đánh thuế vào các đối tượng gây ô nhiễm môi trường, góp phần thay đổi nhận thức của con người đối với môi trường, huy động thêm nguồn lực cho ngân sách nhà nước để khôi phục môi trường sinh thái; khuyến khích sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; giảm bớt các tác động tiêu cực của sản xuất, tiêu dùng đến môi trường.

Với những chính sách trên, có thể khẳng định, Nhà nước đã từng bước đồng hành, hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, trong thực hiện đổi mới sáng tạo xanh thông qua việc hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật liên quan. Những chính sách về thuế, phí này đã tạo động lực và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo theo hướng xanh, sản xuất và tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường. Mặc dù đạt được một số kết quả tích cực nói trên nhưng thực tiễn triển khai áp dụng chính sách thuế, phí liên quan đến TTX ở Việt Nam cũng đang bộc lộ một số hạn chế. Hệ thống công cụ kinh tế nói chung, chính sách thuế nói riêng cho mục tiêu BVMT còn thiếu đồng bộ, chưa đủ mạnh để điều tiết hiệu quả hành vi của các chủ thể trong nền kinh tế để hướng đến sản xuất xanh và tiêu dùng xanh. Mức thu của một số loại hàng hóa gây ô nhiễm môi trường còn thấp, thậm chí là không đáng kể. Cùng với đó, các chính sách ưu đãi, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động giảm thiểu ô nhiễm, giảm phát thải khí nhà kính (KNK) còn chưa được cụ thể hóa, chưa đủ sức hấp dẫn...

#### **Thị trường tín chỉ các-bon**

Theo khoản 35 Điều 3 Luật BVMT năm 2020, tín chỉ các-bon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí CO<sub>2</sub> hoặc một tấn khí CO<sub>2</sub> tương đương. Có thể hiểu, tín chỉ các-bon hay định mức các-bon được coi như một loại giấy phép cho phép chủ sở hữu thải ra một lượng khí CO<sub>2</sub> nhất định hoặc khí thải nhà kính khác (CH<sub>4</sub>, NO<sub>2</sub>). Mỗi doanh nghiệp hay cơ sở sản xuất đều có một định mức về lượng khí thải nhà kính thải ra môi trường. Nếu cao hơn mức quy định, những đơn vị này sẽ phải mua thêm tín chỉ các-bon để không vi phạm quy định chung về BVMT. Ngược lại, nếu lượng phát thải thực tế nhỏ



hơn mức giới hạn thì cơ sở đó có thể bán số tín chỉ các-bon chưa sử dụng cho các đơn vị khác. Thị trường các-bon chính là nơi diễn ra các giao dịch về việc mua bán, trao đổi tín chỉ các-bon giữa các công ty, đơn vị, tổ chức hoặc giữa các quốc gia. Trong thời gian qua, có nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong nước đã tham gia thực hiện các dự án theo cơ chế phát triển sạch, cơ chế tín chỉ chung, cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon theo chương trình hợp tác và một số cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon tự nguyện khác. Thông qua việc thực hiện dự án các cơ chế này, doanh nghiệp đã có thêm nguồn tài chính từ việc trao đổi, bán tín chỉ các-bon, được tiếp nhận công nghệ phát thải thấp từ các nước phát triển.

Để có cơ sở trao đổi, mua bán tín chỉ các-bon giữa các tổ chức, doanh nghiệp trong nước, góp phần thúc đẩy thực hiện hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK, việc phát triển thị trường các-bon trong nước đã được đặt ra từ năm 2011 tại Đề án quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới, ban hành kèm theo Quyết định số 1775/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Phát triển thị trường các-bon trong nước được coi là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên nêu tại Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương năm 2013, Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2016. Thực tế, hiện nay, đã có 46 quốc gia và 35 vùng lãnh thổ áp dụng định giá các-bon với sự tham gia của hàng chục nghìn tập đoàn, doanh nghiệp lớn. Trong khi đó, Việt Nam cũng vừa nhận được khoản tiền trị giá hơn 1.200 tỷ đồng từ Ngân hàng Thế giới thanh toán tiền mua tín chỉ các-bon rừng. Không chỉ rừng, mà các dự án chuyển đổi năng lượng, thu gom và tái chế rác, lâm nghiệp, thậm chí là xây dựng, sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải... đều trở thành những ngành tiềm năng, tạo ra nguồn thu từ việc bán tín chỉ các-bon. Tuy nhiên, về lâu dài, việc mua bán tín chỉ các-bon bình thường sẽ phải đưa lên sàn giao dịch. Mục tiêu lớn nhất của việc thiết lập thị trường các-bon nhằm giảm nhẹ phát thải KNK, góp phần ứng phó với BĐKH và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững khác. Theo lộ trình của Chính phủ, thị trường các-bon trong nước sẽ thí điểm từ năm 2025 và vận hành chính thức từ năm 2028.

Việc xây dựng sàn giao dịch tín chỉ các-bon sẽ góp phần tận dụng tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế trong nước trong việc tham gia hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK. Chủ thể tham gia thị trường bao gồm cơ sở phát thải KNK; các tổ chức thực hiện chương trình, dự án tạo tín chỉ các-bon; tổ chức và cá nhân đủ điều kiện tham gia hoạt động đầu tư, kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổ chức

hỗ trợ giao dịch. Hàng hóa trên thị trường tín chỉ các-bon tại Việt Nam gồm 2 loại là hạn ngạch phát thải KNK; tín chỉ các-bon do Bộ TN&MT xác nhận được giao dịch trên sàn giao dịch của thị trường trong nước. Hiện Việt Nam đang xây dựng Đề án thành lập thị trường tín chỉ các-bon nhằm thể chế hóa các chính sách về trao đổi hạn ngạch phát thải, tín chỉ các-bon, thực hiện mục tiêu giảm phát thải KNK, chuyển đổi nền kinh tế, tạo ra những nguồn lực xanh mới.

Theo Quyết định số 13/2024/QĐ-TTg, ngày 13/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê (cập nhật), có 2.166 cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK, tăng 254 cơ sở so với danh mục được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2022, chiếm khoảng 30% tổng phát thải KNK quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay, còn tồn tại một số khó khăn, hạn chế trong triển khai Quyết định. Nhiều doanh nghiệp đang lúng túng, chưa hiểu kiểm kê KNK là như thế nào; ai kiểm kê và kiểm kê ra sao; kiểm kê xong rồi, có tín chỉ và chứng nhận rồi, thừa tín chỉ các-bon thì đổi thành tiền như thế nào... Cùng với đó, tình trạng thiếu hụt đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật chuyên sâu về giảm nhẹ phát thải KNK, công tác quản lý nhà nước về giảm nhẹ phát thải KNK cấp cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế vẫn đang diễn ra. Một số đơn vị thuê đơn vị tư vấn kiểm kê, tuy nhiên không thẩm tra lại kết quả kiểm kê nên độ chính xác của báo cáo kiểm kê không đảm bảo. Một số đơn vị lại kiểm kê không dựa trên tiêu chuẩn ISO 14064-1:2018, vì vậy trong báo cáo kiểm kê không đầy đủ các nguồn và tuyên bố về lượng KNK phát thải không đầy đủ và không theo chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, việc thực hiện chế độ thông tin, số liệu, thực hiện kiểm kê KNK và tuân thủ các quy định chưa được thực hiện đầy đủ, thống nhất do vấn đề về kiểm kê KNK và giảm phát thải KNK là lĩnh vực mới, yêu cầu cao về nguồn lực thực hiện. Một số thông tin của cơ sở (địa chỉ, tình trạng hoạt động...) hiện không còn chính xác. Nguyên nhân do một số cơ sở thay đổi địa chỉ kinh doanh, hoạt động, đổi tên hoặc ngừng hoạt động. Chế độ cung cấp thông tin về số liệu hoạt động của các cơ sở phát thải KNK phải thực hiện kiểm kê KNK tại một số tỉnh, thành phố chưa đảm bảo chất lượng và thời gian...

Bên cạnh các chính sách tài chính xanh hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh, hướng tới mục tiêu Net Zero vào năm 2050 như trên, có thể kể đến Quỹ hỗ trợ chuyển đổi xanh hay tài trợ từ các tổ chức quốc



tế. Theo đó, Chính phủ có thể thành lập quỹ tài trợ hoặc hợp tác với các tổ chức quốc tế để hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện dự án chuyển đổi xanh. Quỹ này có thể bao gồm các khoản vay không lãi suất hoặc các khoản tài trợ trực tiếp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng có thể tiếp cận nguồn tài trợ từ các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hoặc các quỹ BDKH để nhận hỗ trợ về vốn và kỹ thuật.

### **Một số giải pháp tháo gỡ cho doanh nghiệp khi tham gia chuyển đổi xanh**

Tại Hội nghị lần thứ 26 các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về BDKH (COP26), Thủ tướng Chính phủ đã đưa ra cam kết của Việt Nam đưa phát thải ròng về “0” vào năm 2050, vì vậy chuyển đổi xanh trở thành mục tiêu tất yếu của Việt Nam trong những nỗ lực để đạt được mục tiêu trên. Bên cạnh việc xây dựng một chiến lược tổng thể để chuyển đổi xanh một cách hài hòa, hiệu quả, gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hướng đến trung hòa carbon vào năm 2050, đối với chính sách tài chính, cần tập trung triển khai một số giải pháp trọng tâm:

#### *Một là, hoàn thiện khung pháp lý*

Với TDX, cần sớm xây dựng quy định, định nghĩa, tiêu chuẩn về danh mục các ngành/linh vực xanh để có thể áp dụng chung, thống nhất trong cả nước. Ngoài ra, có thể thấy nguyên nhân chính khiến các NHTM chưa mạnh dạn và ưu tiên phát triển TDX là do họ chưa kiểm soát được những rủi ro mà một dự án gây ô nhiễm có thể gây ra từ nguồn vốn họ tài trợ. Xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển TDX được coi là chìa khóa để mở ra một nền tài chính xanh vững mạnh tại Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay các NHTM khó khăn trong lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp TDX do chưa có bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá cụ thể công cụ đo lường tác động đến môi trường để hỗ trợ xây dựng chính sách phát triển TDX; chưa có hướng dẫn chi tiết về quy trình thẩm định TDX nên ngân hàng chưa định hướng được cách thức xây dựng hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội, chưa thể đánh giá đúng chất lượng các dự án đầu tư... Vì vậy, cần đẩy nhanh việc ban hành quy định pháp luật về quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp TDX của các TCTD, chi tiết hóa các thông tin về cấp TDX, thể chế hóa việc quản lý rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng tại các văn bản pháp lý chuyên ngành. Cụ thể: (i) Tiêu chí phân loại dự án xanh, hướng dẫn công bố thông tin tài chính khí hậu theo chuẩn quốc tế; đưa ra các quy định, hướng dẫn cụ thể, định hướng NHTM tiếp cận nguồn vốn ưu đãi cho TDX; (ii) Danh mục phân loại xanh làm cơ

sở cho các TCTD có căn cứ thẩm định, đánh giá và giám sát khi thực hiện cấp TDX...

Đối với TPX, trên cơ sở hành lang pháp lý hiện có, Chính phủ Việt Nam cần ban hành văn bản cụ thể quy định rõ các tiêu chuẩn trong việc xác định TPX, dự án xanh cũng như các nguyên tắc trong việc phát hành và quản lý, sử dụng nguồn vốn hình thành từ TPX để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng. Nghiên cứu và xây dựng bộ chỉ số đánh giá các công ty phát triển bền vững nhằm thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư cho TPX. Bên cạnh đó, cần tăng cường minh bạch công bố thông tin của các doanh nghiệp phát hành TPX, các báo cáo về sử dụng nguồn vốn từ TPX cần được đánh giá một cách minh bạch, khách quan từ tổ chức có chuyên môn và được công khai để bất cứ nhà đầu tư nào cũng có thể theo dõi nguồn vốn của mình trong từng dự án xanh.

#### *Hai là, ưu đãi về lãi suất vay và thuế*

Việc đầu tư vào các ngành, lĩnh vực xanh thường đòi hỏi thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao nên rất cần các ưu đãi về thời hạn và chi phí vốn vay. Trong khi đó, nguồn vốn huy động của các TCTD thường là ngắn hạn, huy động theo chi phí vốn thương mại trên thị trường nên có chi phí cao. Nhất là các ngành, lĩnh vực mang lại lợi ích môi trường, năng lượng tái tạo, tiết kiệm và hiệu quả năng lượng tại Việt Nam thường đòi hỏi thời gian hoàn vốn dài, chi phí đầu tư lớn, rủi ro thị trường cao nên rất cần các ưu đãi về thời hạn và chi phí vốn vay. Thế nhưng trên thực tế, lãi suất cho vay đối với các dự án xanh chưa có sự khác biệt với các khoản vay khác của ngân hàng. Để có thể cung cấp các khoản tín dụng với thời hạn dài và lãi suất ưu đãi cho các ngành, lĩnh vực xanh, các TCTD cần được hỗ trợ tiếp cận các nguồn vốn dài hạn, ưu đãi, hoặc có cơ chế chia sẻ lãi suất cho vay giữa các TCTD. Có nghĩa là cần bổ sung chính sách ưu đãi đối với các ngân hàng thực hiện TDX như giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc; các khoản vay này được ưu tiên về thời hạn và nguồn vốn cho vay so với các lĩnh vực khác. Đồng thời, cần xây dựng lộ trình thực hiện các cơ chế chính sách hỗ trợ các ngành xanh (thuế, phí, vốn, kỹ thuật, thị trường, đến quy hoạch, chiến lược phát triển...) của từng ngành/linh vực một cách đồng bộ nhằm thu hút và phát huy hiệu quả nguồn vốn TDX.

Ngoài ra, cần có các chính sách miễn, giảm thuế cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh hoặc sử dụng năng lượng tái tạo là một biện pháp quan trọng để khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào kinh tế xanh.

*Ba là, cần có cơ chế để thu hút nguồn lực tài chính cho TDX, TPX*



Hiện nay, nguồn lực tài chính cho TDX của các TCTD phần lớn dựa vào các chương trình, dự án có nguồn tài trợ quốc tế như GCTF, IFC, ADB... Song các nguồn lực này chủ yếu đến từ bên ngoài và chỉ có thể đóng vai trò thúc đẩy phát triển trong giai đoạn đầu. Có nghĩa nguồn vốn huy động của các TCTD phần lớn là vốn ngắn hạn trong khi việc đầu tư vào các ngành/lĩnh vực xanh chủ yếu là nguồn vốn trung và dài hạn, nhu cầu thời gian hoàn vốn lâu. Do đó, bên cạnh nguồn lực của các TCTD, rất cần có cơ chế, chính sách để thu hút nguồn vốn của tư nhân cho đầu tư xanh, tạo kênh huy động vốn cho các chủ đầu tư có thêm nguồn lực triển khai các dự án xanh. Với TPX, để thu hút nguồn lực tài chính cần có chính sách ưu đãi như miễn giảm thuế, phí, lệ phí, lãi suất và hỗ trợ các chi phí liên quan đến phát hành TPX. Ngoài ra, cần hoàn thiện chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quá trình phát hành TPX và khuyến khích các tổ chức trong nước tham gia vào quá trình xác nhận, chứng nhận khung dự án xanh, TPX và dán nhãn dự án xanh; quan tâm phát triển thị trường tài chính, nhất là thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường cổ phiếu, thị trường quỹ và thị trường phát sinh nhằm: Giảm tải phụ thuộc vốn trung dài hạn vào hệ thống ngân hàng; cơ quan quản lý cần có chính sách, giải pháp để trực tiếp hoặc hỗ trợ các doanh nghiệp và các tổ chức tài chính tiếp cận nguồn tài chính xanh quốc tế, các chương trình đào tạo, trao đổi kinh nghiệm quốc tế về TTX và tài chính xanh...

*Bốn là, phát triển thị trường tín chỉ các-bon*

Việt Nam là nước có tiềm năng lớn về nguồn cung ứng tín chỉ các-bon. Để giúp các quốc gia đang phát triển như Việt Nam có thêm nguồn lực thực hiện cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” vào năm 2050, nguồn tài chính đến từ thị trường tín chỉ các-bon đóng vai trò hết sức quan trọng. Vì vậy, việc sớm hoàn thiện Đề án phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam, trong đó làm rõ vai trò tham gia của các định chế tài chính, các TCTD trong triển khai thực hiện TDX là cần thiết để gia tăng nguồn lực thực hiện cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” như Thủ tướng Chính phủ đã cam kết■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội (2020). Luật BVMT ngày 17/11/2020.
2. Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về TTX.
3. Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về TTX giai đoạn 2014 - 2020.

4. Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về BĐKH.
5. Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 24/3/2015 của Thống đốc NHNN về thúc đẩy tăng trưởng TDX và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.
6. Quyết định số 1552/QĐ-NHNN ngày 6/8/2015 của Thống đốc NHNN ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX đến năm 2020.
7. Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 của Thống đốc NHNN về việc phê duyệt Đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam.
8. Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về TTX giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
9. Thông tư số 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022 của NHNN Việt Nam hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
10. Trần Thế Anh (2022). Thực trạng triển khai TDX để xuất một số giải pháp thúc đẩy phát triển TDX trong thời gian tới, truy cập từ <http://tapchimoitruong.vn/dien-dan--trao-doi-21/thuc-trang-trien-khai-tin-dung-xanh-de-xuat-mot-so-giai-phap-thuc-day-phat-trien-tin-dung-xanh-trong-thoi-gian-toi-27268>.
11. Phạm Xuân Hòe (2015). Hoàn thiện khung chính sách khuyến khích phát triển TDX. Kỳ yếu Hội nghị Môi trường toàn quốc lần thứ IV, Bộ TN&MT, Hà Nội.
12. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (2021), Sổ tay hướng dẫn phát hành TPX, trái phiếu xã hội và trái phiếu bền vững. <https://asianbondsonline.adb.org/green-bonds/pdf/How%20to%20Issue%20Guide%20Vietnamese%20FINAL%20PRINT.pdf>.
13. Asian Development Bank (2013). Investing in Asia and the Pacific's Future. Asian Development Bank, Philippines.
14. Aizawa, M., & Yang, C. (2010). Green credit, green stimulus, green revolution? China's mobilization of banks for environmental cleanup. *The Journal of Environment & Development*, 19(2), 119-144.
15. Beck, T., Demirgüç-Kunt, A., Laeven, L., & Maksimovic, V. (2006). The determinants of financing obstacles. *Journal of international money and finance*, 25(6), 932-952.
16. ICMA (2021), Green Bond Principles Voluntary Process Guidelines for Issuing Green Bonds. [https://www.icmagroup.org/assets/documents/Sustainable-finance/2022-updates/Green-Bond-Principles\\_June-2022-280622.pdf](https://www.icmagroup.org/assets/documents/Sustainable-finance/2022-updates/Green-Bond-Principles_June-2022-280622.pdf).